

**BỔ SUNG HAI LOÀI THUỘC CHI *RHODODENDRON* L.
(HỌ ĐỖ QUYÊN - ERICACEAE JUSS.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

Nguyễn Thị Thanh Hương^{1*}, Nguyễn Tiến Hiệp²

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, huongthnguyen@yahoo.com

²Trung tâm Bảo tồn Thực vật

TÓM TẮT: Bài báo ghi nhận bổ sung hai loài *Rhododendron kendrickii* Nutt. và *Rhododendron meridionale* P.C. Tam thuộc chi *Rhododendron* L. cho hệ thực vật Việt Nam. Loài *R. kendrickii* gần với loài *R. tanastylum*, phân biệt bởi nhánh cụm hoa mảnh, dài 15-35 mm, có lông; cụm hoa thường 8-15 hoa. Loài *R. meridionale* gần với loài *R. chunii*, phân biệt bởi vòi nhụy ngắn. Hai loài này được thu tại tỉnh Hà Giang, mẫu hiện được lưu giữ tại phòng Thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Như vậy, chi *Rhododendron* L. ở Việt Nam hiện có 42 loài. Khóa định loại đã được thiết lập cho 42 loài thuộc chi này ở Việt Nam.

Từ khóa: Ericaceae, *Rhododendron*, đỗ quyên, ghi nhận mới, Hà Giang.

MỞ ĐẦU

Chi Đỗ quyên (*Rhododendron* L.) thuộc họ Đỗ quyên (Ericaceae Juss.), trên thế giới có khoảng 850 loài, phân bố ở châu Á, châu Âu và Bắc châu Mỹ [1]. Phạm Hoàng Hộ (1999) [5], đã mô tả 19 loài, 5 dưới loài và 2 thứ có ở Việt Nam. Nguyễn Tiến Hiệp (2003) [3], ghi nhận có 25 loài, 4 dưới loài và 2 thứ. Cho đến nay, chi Đỗ quyên (*Rhododendron* L.) hiện biết có 32 loài, 5 dưới loài và 9 thứ [2, 4, 5, 6]. Gần đây, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi bổ sung thêm loài *Rhododendron kendrickii* Nutt. và *Rhododendron meridionale* P. C. Tam, cho hệ thực vật Việt Nam, nâng tổng số loài trong chi này lên 42 loài.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu vật

Là các loài trong tự nhiên (mẫu tươi sống), các tiêu bản khô của chi Đỗ quyên ở Việt Nam

cũng như ở nước ngoài được lưu giữ tại các phòng tiêu bản của các Viện nghiên cứu và Trường đại học như: Khoa Sinh học, Đại học Khoa học tự nhiên (HNU); Phòng Thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); Phòng Tài nguyên sinh vật, Viện Sinh học nhiệt đới tp. Hồ Chí Minh; Phòng Tiêu bản, Viện Dược liệu, Bộ Y tế (HNPM); Phòng Tiêu bản, Đại học Dược Hà Nội (HNPI); Phòng Tiêu bản thực vật, Viện Thực vật Côn Minh, Trung Quốc (KUN).

Phương pháp

Chúng tôi áp dụng phương pháp so sánh hình thái. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng trong nghiên cứu phân loại thực vật từ trước đến nay, kết hợp với các tài liệu gốc và một số tài liệu nghiên cứu ở các nước lân cận khác [2, 7, 8].

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Khóa định loại các loài thuộc chi *Rhododendron* L. hiện biết ở Việt Nam

- 1A. Cụm hoa ở đỉnh cành, đôi khi có chồi hoa bên ở ngay phía dưới.
- 2A. Thân có vảy hình khiên, đôi khi lẫn với các loại lông khác.
- 3A. Quả nang có nắp cứng hay hóa gỗ; giá noãn hợp ở trục chính của noãn; hạt có cánh.
- 4A. Vòi nhụy có vảy, ít nhất ở gốc, đôi khi đến tận đỉnh; thùy đài luôn rõ.
- 5A. Tràng dài (3) 5-7 (13,5) cm.
- 6A. Quả có lông.....1. *Rhododendron nhatrangense*
- 6B. Quả có vảy.

- 7A. Nhị 15-25 (27); bầu 10-12 ô 2. *R. maddenii*
 7B. Nhị (8)-10 (14); bầu 5-7 ô.
 8A. Mép dài không lông.
 9A. Phiến lá có gân dẹt ở mặt trên..... 3. *R. excellens*
 9B. Phiến lá có gân lõm sâu ở mặt trên..... 4. *R. nuttallii*
 8B. Mép dài có lông.
 10A. Thùy dài dài hơn 6 mm..... 5. *R. valentinianum*
 10B. Thùy dài ngắn hơn 6 mm
 11A. Mặt dưới thùy dài có vảy dày đặc.
 12A. Tràng ngắn hơn hay bằng 4 cm, màu vàng 6. *R. leptocladon*
 12B. Tràng dài hơn 4 cm, màu trắng có sọc vàng 7. *R. fleuryi*
 11B. Mặt dưới thùy dài có vảy thưa.
 13A. Thùy tràng dài 3-5 cm, màu tía nhạt, đỏ nhạt hoặc trắng hồng.
 14A. Thùy tràng có vảy..... 8. *R. carneum*
 14B. Thùy tràng không có vảy 9. *R. ciliicalyx*
 13B. Thùy tràng dài 7-8 cm, màu trắng có đốm vàng..... 10. *R. veitchianum*
 5B. Tràng dài 1,5-3 cm.
 15A. Tràng màu hồng đến đỏ đậm..... 11. *R. tephropeplum*
 15B. Tràng màu vàng.
 16A. Đài không có rìa lông; cánh non có vảy 12. *R. xanthostephanum*
 16B. Đài có rìa lông; cánh non có lông..... 13. *R. crenulatum*
 4B. Vòi nhụy không có vảy; thùy dài không rõ..... 14. *R. yunnanense*
 3B. Quả nang có nắp mảnh và vặn xoắn khi mở; giá noãn rời ở trục chính của noãn; hạt có phần phụ hình đuôi ở cả 2 đầu.
 17A. Đài có thùy không rõ.
 18A. Hoa mọc đơn độc; chóp lá có khía 15. *R. densifolium*
 18B. Hoa tập hợp thành cụm hoa gồm 3-7 hoa; chóp lá không có khía.
 19A. Bầu có cả lông và vảy; cuống lá màu xanh..... 16. *R. rushforthii*
 19B. Bầu chỉ có vảy; cuống lá màu đỏ..... 17. *R. trancongii*
 17B. Đài có thùy rõ
 20A. Tràng ngắn hơn 2 cm.
 21A. Quả nang dài 1-1,5 cm..... 18. *R. poilanei*
 21B. Quả nang dài 1,5-2 cm 19. *R. sororium*
 20B. Tràng dài hơn 2 cm.
 22A. Tràng dài 8 -10 cm, màu đỏ 20. *R. triumphans*
 22B. Tràng dài 2,5-3,5 cm, màu vàng..... 21. *R. chevalier*
 2B. Thân không có vảy hình khiên, có nhiều loại lông khác nhau hay không lông.
 23A. Hoa ở chồi tận cùng, búp lá non ở chồi bên (như ở nách của lá năm trước); lông cứng dẹt.
 24A. Cánh non không lông, hiếm khi có lông và tuyến, không có lông cứng.
 25A. Tràng (5) 6-10 thùy, thường không có tuyến mật; nhị (10) 12-18.
 26A. Mặt dưới lá có 2 lớp lông mềm và xốp..... 22. *R. sinofalconeri*

- 26B. Mặt dưới lá không lông hay có một vài điểm lông nhỏ
- 27A. Chỉ nhị có lông ở gốc
- 28A. Lá hình bầu dục-thuôn; bầu hình trứng. 23. *R. serotinum*
- 28B. Lá hình bầu trứng ngược-thuôn; bầu hình trụ 24. *R. decorum* subsp. *diaprepes*
- 27B. Chỉ nhị không có lông ở gốc 25. *R. fortunei*
- 25B. Tràng 5 thùy, có tuyến mật; nhị 10.
- 29A. Cuống hoa có lông tuyến và lông tơ. Quả nang dài 3-3,5 cm 26. *R. arboreum*
- 29B. Cuống hoa không có lông tuyến. Quả nang dài 1,5-2 cm 27. *R. delavayi*
- 24B. Cành non, cuống lá thường có lông cứng hoặc lông tuyến cứng có đầu nhọn.
- 30A. Tràng hình ống, có tuyến mật ở gốc.
- 31A. Mặt dưới lá có lông tơ mỏng hay ít nhất trên gân giữa 28. *R. agastum* var. *pennivenium*
- 31B. Mặt dưới lá không lông, đôi khi có tuyến không chân trên gân giữa và gân bên.
- 32A. Bầu không có tuyến, có lông hay không lông; vòi nhụy không lông.
- 33A. Nhánh cụm hoa mập, dài 5-20 cm, không lông; cụm hoa 5-10 hoa 29. *R. tanastylum*
- 33B. Nhánh cụm hoa mảnh, dài 1,5-3,5 cm, có lông; cụm hoa 8-15 hoa 30. *R. kendrickii*
- 32B. Bầu có tuyến, có lông tuyến và lông tơ; vòi nhụy có tuyến.
- 34A. Hoa màu trắng; chóp lá tròn 31. *R. excelsum*
- 34B. Hoa màu đỏ; chóp lá có mũi nhọn 32. *R. irroratum*
- 30B. Tràng hình chuông hoặc phễu, không có tuyến mật ở gốc 33. *R. facetum*
- 23B. Hoa và búp lá mới ra cùng một lúc ở chồi tận cùng; lá tồn tại đến rụng; lông cứng hình dải.
- 35A. Nhị (6) 7-10.
- 36A. Nhị ngắn hơn tràng 34. *R. hainanense*
- 36B. Nhị dài bằng hoặc dài hơn tràng
- 37A. Nhị dài bằng tràng
- 38A. Quả nang dài 1-1,5 cm, có lông dày đặc 35. *R. simsii*
- 38B. Quả nang dài 0,5- 0,8 cm, không lông 36. *R. annamense*
- 37B. Nhị dài hơn tràng 37. *R. mucronatum*
- 35B. Nhị (4) 5 (6).
- 39A. Chỉ nhị có lông.
- 40A. Tràng dài 1,7-2,5 cm, màu trắng có vành màu hồng 38. *R. saxicolum*
- 40B. Tràng dài 1-1,3 cm, màu tím nhạt 39. *R. chunii*
- 39B. Chỉ nhị không lông 40. *R. meridionale*
- 1B. Cụm hoa ở bên, thường trên trục của lá trên hoặc lá dưới của chồi năm trước; cụm hoa trên cùng nằm trên trục của lá trên cùng.
- 41A. Nhị 5; thùy đài to và rộng; quả nang hình nón-trứng, hạt không có phần phụ 41. *R. vialii*
- 41B. Nhị 10; thùy đài không rõ hoặc hiếm khi có hình mác hẹp; quả nang hình trụ; hạt có phần phụ ngắn ở hai đầu.
- 42A. Cuống hoa có lông tơ hay lông cứng 42. *R. cavaleriei*
- 42B. Cuống hoa không lông.
- 43A. Cụm hoa 4-8 hoa 43. *R. westlandii*
- 43B. Cụm hoa 2-3 hoa 44. *R. moulmainense*

Sau đây là mô tả 2 loài thuộc chi *Rhododendron* L. bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

1. *Rhododendron kendrickii* Nutt. (Hình 1)

Nutt. 1853. Ann. Mag. Nat. Hist., ser. 2. 12: 10; M. Fang et al. 2005. Fl. China, 14: 364.

Cây gỗ nhỏ, cao 5-7 m; chồi non mập, có mào lông. Lá hình bầu dục hẹp hay hình mác, cỡ 7-11 × 2-4 cm, gân chắt da; gốc hình nêm hay tròn; chóp nhọn; mép cuộn, lượn sóng; mặt dưới có lông hình len ở gân giữa, sau không lông; mặt trên khi trưởng thành không lông; gân giữa nổi ở mặt dưới; gân bên 17-24 đôi, hơi nổi ở mặt dưới, dẹt ở mặt trên; cuống lá hình trụ, dài 1-1,5 cm, không lông. Cụm hoa hình chùm mọc ở đỉnh cành, dày đặc, 8-15 hoa; nhánh mảnh, dài 1,5-3,5 cm, có lông dày; búp lá non ở chồi bên; lông cứng dẹt. Cuống hoa dài 0,3-1 cm, có lông. Đài hình đĩa, 5 thùy nhỏ, hình tam

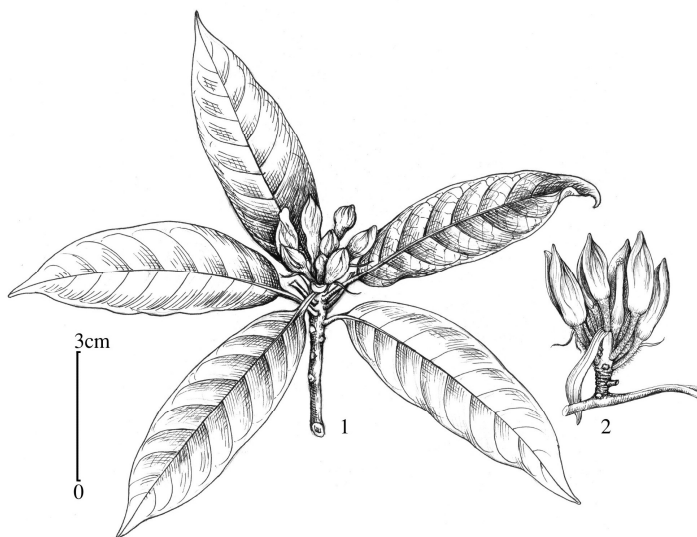
giác, không lông. Tràng hình ống, dài 3-3,5 cm, nạc, màu hồng đậm hay đỏ tươi, có những đốm đậm, có 5 tuyến mật ở gốc, 2 mặt không lông; thùy tràng dài khoảng 1 cm, mép có khía. Nhị 10, không đều nhau, dài 1,5-2,2 cm; chỉ nhị không lông. Bầu hình trụ, có lông cứng thưa, không tuyến; vòi nhụy dài khoảng 2 cm, không lông; núm nhụy nhỏ. Quả nang cong, cỡ 1,5-2,5 × 0,5 cm.

Loc. class.: Bhutan: Kyertsa Pumthang, under mixed moist forest, clay soil, 3000 m, 1 July 1915.

Typus: R. E. Cooper 4086 (?).

Sinh học, sinh thái: Ra hoa tháng 3-5, có quả tháng 8-10. Mọc trong rừng, ven sườn núi, ở độ cao 1000-1200 m.

Phân bố: Hà Giang (Quản Bạ). Còn có ở Ấn Độ, Bhutan, Trung Quốc.



Hình 1. *Rhododendron kendrickii* Nutt.

1. Cành mang hoa; 2. Cụm hoa (vẽ theo mẫu CPC 197-HN; người vẽ L. K. Chi).

Mẫu nghiên cứu: Hà Giang, CPC 197 (HN).

Loài gần với loài *R. Tanastylum*, phân biệt bởi nhánh cụm hoa mảnh, dài 15-35 mm, có lông; cụm hoa thường 8-15 hoa.

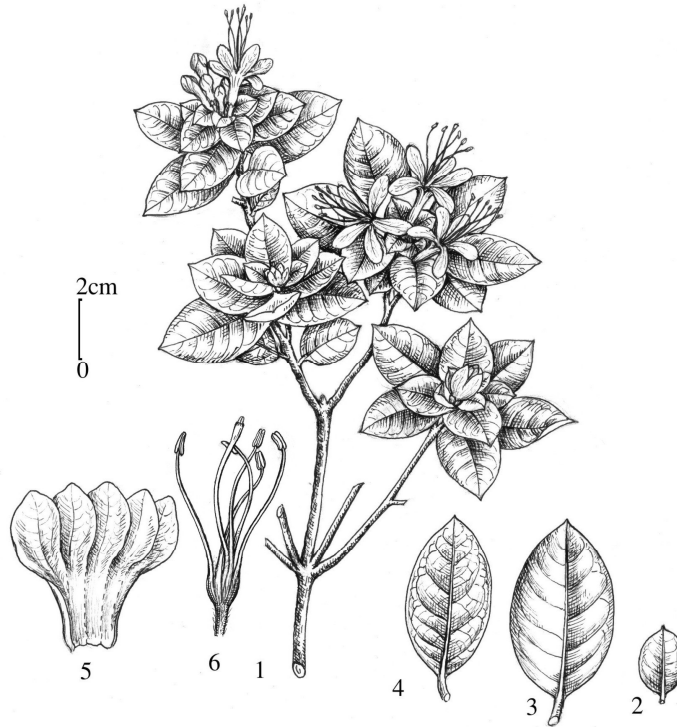
2. *Rhododendron meridionale* P. C. Tam (Hình 2)

P. C. Tam, 1982. Guihaia. 2: 71. 1982 ["meridionalis"]; M. Fang et al. 2005. Fl. China 2005. Fl. China, 14: 443.

Cây bụi, cao 2-3 m; cành non mảnh, có lông thô màu gỉ sắt, về sau không lông. Lá hình bầu dục hay bầu dục thuôn, cỡ 1,5-5 × 0,5-1,5 cm, chất giấy; gốc hình nêm hẹp; chóp có mũi nhọn ngắn; mép cuộn lại, lượn sóng; gân giữa hơi dẹt ở mặt trên; gân bên 5-6 đôi, hơi dẹt, không chạy đến mép; cuống lá dài 3-5 mm, có lông cứng thô màu nâu đậm dày đặc. Cụm hoa mọc ở đỉnh cành, 3-6 hoa. Cuống hoa dài 1,3-1,5 cm, có lông cứng thô màu nâu vàng dày đặc. Thùy đài

không rõ, có lông cứng màu gỉ sắt. Tràng hình phễu rộng, dài 2,5-3,5 cm, màu đỏ tía, không có đốm màu tía; ống hình trụ, cỡ 9-11 × 4 mm, không lông; thùy tỏa rộng, hình mác thuôn, cỡ 1,6-2 × 0,8 cm. Nhị 5, không bằng nhau, dài khoảng 3,5 cm, thò ra; chỉ nhị không lông; bao

phần 4 ô. Bầu hình trứng, dài khoảng 3 mm, có lông cứng thô màu nâu vàng, dày đặc; vòi nhụy dài 3,5 cm, không lông. Quả nang hình trứng, dài 7 mm, có lông cứng thô màu nâu xám, khi chín màu đỏ.



Hình 2. *Rhododendron meridionale* P. C. Tam

1. Cành mang hoa; 2-4. Các dạng lá; 5. Tràng mở ra; 6. Nhị và bộ nhụy (vẽ theo mẫu CPC 132- HN; người vẽ L. K. Chi).

Loc.class.: China: Guangxi: Fangcheng, 18 June 1928.

Typus: Hopu-Exped. 2320 (HT: SCBI).

Sinh học, sinh thái: Ra hoa tháng 3-4, có quả tháng 10-11. Mọc trong rừng núi đá vôi, rừng thường xanh và lá rộng (với hai loài *Pseudotsuga brevifolia* và *Taxus chinensis*), ở độ cao 1200-1400 m.

Phân bố: Hà Giang (Đồng Văn). Còn có ở Trung Quốc.

Mẫu nghiên cứu: Hà Giang, CPC 132 (HN).

Loài gần với loài *R. chunii* phân biệt bởi vòi nhụy ngắn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dop, P. in Lecomte H., 1930. Flore Générale de L' Indochine, 3(6): 698-746, Paris.
2. Fang R. C., P. F. Stevens in Wu Y. Z., Raven P. H., D. Y. Hong (eds.) 2005. Flora of China 14: 260-455. Science Press, Beijing; Missouri Botanical Garden Press, St. Louis.
3. Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 2. Nxb. Nông nghiệp.
4. Nguyen Tien Hiep, Pham Hoang Ho, 1996. Fam. Ericaceae Juss. In Vascular plants

- synopsys of Viet Nam flora. St. Petersburg. Cambridge University Press.
5. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, tập 1. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
6. Mabberley D. J., 1997. The plant-book: 16.
7. Nuttall T., 1853. Annals and Magazine of Natural History 12: 10.
8. Tam P. C., 1982. Guihaia 2 (2): 71-72. f. 4.

**NEW RECORD OF TWO SPECIES OF *RHODODENDRON* L.
(ERICACEAE JUSS.) FOR THE FLORA OF VIETNAM**

Nguyen Thi Thanh Huong¹, Nguyen Tien Hiep²

¹Institute of Ecology and biological Resources, VAST

²Center for Plant Conservation

SUMMARY

In the world, the genus *Rhododendron* L. (Ericaceae Juss.) comprise about 850 species distributed in Asia, Europe and North America. The paper reports two species newly recorded for the flora of Vietnam, such as *Rhododendron kendrickii* Nutt. and *Rhododendron meridionale* P. C. Tam, specimens of these species were collected in Ha Giang province.

Rhododendron kendrickii Nutt. is closed to *R. tanastylum* but differed from the later by having rachis slender, 15-35 mm long, densely tomentose; inflorescence 8-15. *Rhododendron meridionale* P. C. Tam is closed to *R. chunii* but differed from the later by having style glabrous. So far, the genus *Rhododendron* L. consists of 42 species from the flora of Vietnam. The key to 42 Vietnamese species of the genus *Rhododendron* is also provided.

Keywords: Ericaceae, *Rhododendron*, Azalea, new record, Ha Giang.

Ngày nhận bài: 2-2-2012